

Số: 39/TTr-HĐQT

Hà Nội ngày 13 tháng 7 năm 2021

## TỜ TRÌNH

Của Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua  
các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Sông Đà 6 được ban hành theo Quyết định số 03/QĐ-ĐHĐCĐ, ngày 10/5/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Sông Đà 6.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua các vấn đề sau đây:

I. Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2020 (như tài liệu trình Đại hội).

II. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty năm 2020 (như tài liệu trình Đại hội).

III. Thông qua kết quả SXKD năm 2020:

TT	Chỉ tiêu chính	ĐV	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ%
1	Tổng giá trị SXKD	10 <sup>9</sup> đ	848,720	808,199	95
	Trong đó:				
-	Giá trị xây lắp	10 <sup>9</sup> đ	679,911	617,978	91
-	Giá trị SXCN	10 <sup>9</sup> đ	98,906	44,503	45
-	Giá trị PVXL	10 <sup>9</sup> đ	69,901	72,115	103
-	Giá trị KDK	10 <sup>9</sup> đ		73,603	
2	Doanh thu	10 <sup>9</sup> đ	763,290	625,708	82
3	Các khoản nộp nhà nước	10 <sup>9</sup> đ	30,650	42,930	140
4	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>9</sup> đ	12,534	2,352	19
5	Lợi nhuận sau thuế	10 <sup>9</sup> đ	10,027	1,575	16
6	Tỷ suất lợi nhuận				
-	Lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	1,6	0,4	25
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn ĐL	%	2,9	0,5	17,2



-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	%	2,1	0,3	14,3
7	Vốn điều lệ	10 <sup>9</sup> đ	347,716	347,716	100
8	Vốn chủ sở hữu	10 <sup>9</sup> đ	471,980	457,431	92,7
9	Tổng tài sản	10 <sup>9</sup> đ	1.512,227	1.353,517	89,5
10	Cổ tức dự kiến	%	2,5	0	0
11	Tổng giá trị đầu tư	10 <sup>9</sup> đ	109,267	10,091	9,2
12	Thu nhập bình quân người/tháng	10 <sup>6</sup> đ	10,426	10,064	96,5

IV. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C soát xét, xác nhận.

(Có báo cáo tài chính chi tiết được kiểm toán kèm theo)

V. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2020:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phân phối lợi nhuận
1	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	đồng	0
2	Tổng lợi nhuận trước thuế năm nay	đồng	2.352.634.768
-	Lợi nhuận năm nay	đồng	2.352.634.768
3	Loại trừ các khoản không tính vào lợi nhuận để tính thuế TNDN	đồng	1.534.688.191
-	Chi phí không hợp lệ	đồng	1.534.688.191
-	Thu từ cổ tức	đồng	0
4	Lợi nhuận tính thuế TNDN (4=2+3)	đồng	3.887.322.959
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp (5=4x20%)	đồng	777.464.591
6	Lợi nhuận sau thuế (6=1+2-5)	đồng	1.575.170.177
7	Lợi nhuận chia cổ tức công bố (7=6x7b)	đồng	0
7a	Vốn điều lệ chia cổ tức	đồng	347.716.110.000
7b	Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền mặt	%	0
8	Trích lập các quỹ doanh nghiệp	đồng	778.585.088
	Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi (8=6x50%)	đồng	778.585.088
9	Lợi nhuận chuyển kỳ sau (để lại)	đồng	778.585.088

VI. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2021:

1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch
1	Tổng giá trị SXKD	10 <sup>9</sup> đ	1.010,000
	Trong đó:		
-	Giá trị xây lắp	10 <sup>9</sup> đ	953,000
-	Giá trị SXCN	10 <sup>9</sup> đ	
-	Giá trị PVXL	10 <sup>9</sup> đ	57,000
2	Doanh thu	10 <sup>9</sup> đ	905,000
3	Nộp Nhà nước	10 <sup>9</sup> đ	37,583
4	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>9</sup> đ	13,800
5	Lợi nhuận sau thuế	10 <sup>9</sup> đ	11,040
6	Tỷ suất lợi nhuận:		
-	Lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	1,5
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn ĐL	%	3,2
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	%	2,4
7	Vốn điều lệ	10 <sup>9</sup> đ	347,716
8	Vốn chủ sở hữu	10 <sup>9</sup> đ	467,716
9	Tổng tài sản	10 <sup>9</sup> đ	1.354,652
10	Tỷ lệ chia cổ tức	%	3,0
11	Tổng giá trị đầu tư	10 <sup>9</sup> đ	22,000
12	Thu nhập bình quân người/tháng	10 <sup>6</sup> đ	9,890

## 2. Một số mục tiêu nhiệm vụ chính năm 2021:

a. Khắc phục các tồn tại hạn chế trong quản lý, điều hành được xác định trong năm 2020, đặc biệt trong công tác thu vốn, công nợ và tổ chức thi công trên các công trường.

b. Đảm bảo tiến độ, chất lượng và an toàn tuyệt đối trên các công trình: thủy điện Hạ Se Kong, Nậm Mô 2, Pắc Ma, Bảo Nhai 2 ... Hoàn thành bàn giao các dự án thủy điện Pắc Ma, Bảo Nhai 2, Nậm Cùm 4, Đăk Mi 2, Nhà Nam An Khánh.

c. Quyết liệt, đảm bảo hiệu quả trong công tác thu vốn thu hồi công nợ, thi công đến đâu thu vốn đến đó theo điều khoản hợp đồng. Quyết toán dứt điểm các dự án: thủy điện Đồng Nai 5, Huội Quảng, Xekaman 1, San Xay, Sông Mã 3, Nậm Cùm 4, Trung Xuân, Bản Hồ, Nậm Lúc, Đồng Văn, Sông Chò, Đăk Mi 2, Bảo Nhai 2; đường sắt đô thị tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, X2 Hoàng Mai và nhà Nam An Khánh. Thu tiền về tài khoản đảm bảo nguồn vốn cho SXKD; thực hiện chi trả lương và các chế độ cho người lao động kịp thời; nộp thuế, bảo hiểm theo quy định; từng bước thực hiện chi trả cổ tức như đã công bố.

d. Nâng cao năng lực, hiệu quả công tác tiếp thị đấu thầu các dự án thủy điện trong nước và nước ngoài (tập trung tại thị trường của Lào); phát triển thị trường các dự án nhiệt điện, điện gió, điện mặt trời, thủy lợi; chú trọng các dự án dân dụng -

công nghiệp và giao thông đô thị để từng bước chuyển đổi ngành nghề; đảm bảo đủ việc làm cho năm 2021 và chuẩn bị cho các năm tiếp theo.

đ. Từng bước cơ cấu lại tổ chức các đơn vị trực thuộc, phòng/ban công ty, hoàn thiện mô hình quản trị, điều hành Công ty phù hợp với điều kiện thực tế thị trường và yêu cầu phát triển bền vững của Công ty. Thực hiện rà soát, bổ sung, sửa đổi các quy chế quy định nội bộ phù hợp với Điều lệ mới của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành. Tăng cường công tác quản lý sâu sát, kiểm tra giám sát toàn diện của Công ty; chỉ đạo, tổ chức điều hành sản xuất quyết liệt, hiệu quả, đảm bảo mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2021.

## VII. Thông qua kết quả SXKD 5 năm 2016-2020:

TT	Chỉ tiêu	Đ.Vị	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ%
1	Tổng giá trị SXKD	10 <sup>9</sup> đ	5.601,110	5.045,980	90
	Trong đó:				
-	Giá trị xây lắp	10 <sup>9</sup> đ	4.630,660	3.823,070	83
-	Giá trị SXCN	10 <sup>9</sup> đ	535,340	451,620	84
-	Giá trị PVXL	10 <sup>9</sup> đ	393,090	391,410	100
-	Kinh doanh khác	10 <sup>9</sup> đ	42,010	379,940	
2	Doanh thu	10 <sup>9</sup> đ	5.244,030	3.960,710	76
3	Nộp Nhà nước	10 <sup>9</sup> đ	307,070	243,313	79
4	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>9</sup> đ	211,640	121,910	58
5	Lợi nhuận sau thuế	10 <sup>9</sup> đ	169,290	96,864	57,2
6	Tỷ suất lợi nhuận:				
-	Lợi nhuận trước thuế/doanh thu (bình quân)	%	3,86	2,82	73
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn ĐL (bình quân)	%	9,74	5,62	58
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (bình quân)	%	6,78	4	59
7	Vốn điều lệ	10 <sup>9</sup> đ	347,716	347,716	100
8	Vốn chủ sở hữu	10 <sup>9</sup> đ	471,980	457,431	
9	Tổng tài sản	10 <sup>9</sup> đ	1.512,230	1.353,517	
10	Tỷ lệ chia cổ tức (bình quân năm)	%/năm	8,2	4,6	56
11	Tổng giá trị đầu tư	10 <sup>9</sup> đ	381,780	66,000	17
12	Thu nhập bình quân người/tháng	10 <sup>6</sup> đ	9,941	9,687	97

### VIII. Thông qua kế hoạch SXKD 5 năm 2021-2025:

Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu (Chỉ tiêu hằng năm sẽ được ĐHĐCĐ thường niên phê duyệt điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế):

TT	Chỉ tiêu	Đ.Vị	Kế hoạch
1	Tổng giá trị SXKD	10 <sup>9</sup> đ	5.885,000
	Trong đó:		
-	Giá trị xây lắp	10 <sup>9</sup> đ	5.171,000
-	Giá trị SXCN	10 <sup>9</sup> đ	495,000
-	Giá trị PVXL	10 <sup>9</sup> đ	219,000
2	Doanh thu	10 <sup>9</sup> đ	5.394,000
3	Nộp Nhà nước	10 <sup>9</sup> đ	213,930
4	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>9</sup> đ	206,800
5	Lợi nhuận sau thuế	10 <sup>9</sup> đ	168,401
6	Tỷ suất lợi nhuận:		
-	Lợi nhuận trước thuế/doanh thu (bình quân)	%	3,8
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn ĐL (bình quân)	%	9,7
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (bình quân)	%	6,7
7	Vốn điều lệ	10 <sup>9</sup> đ	347,716
8	Vốn chủ sở hữu	10 <sup>9</sup> đ	512,884
9	Tỷ lệ chia cổ tức (bình quân năm)	%/năm	8,6
10	Tổng giá trị đầu tư	10 <sup>9</sup> đ	1.117,500
11	Thu nhập bình quân người/tháng	10 <sup>6</sup> đ	11,210

### IX. Thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021:

Trên cơ sở kiến nghị của Ban Kiểm soát Công ty (có Tờ trình chi tiết kèm theo) đề nghị thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021, cụ thể như sau:

- Công ty TNHH KPMG;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn một trong những Công ty Kiểm toán thuộc danh sách trên đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại thời điểm kiểm toán và tổ chức thực hiện hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 theo quy định.

**X. Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2021-2026:**

Căn cứ Điều 154, Điều 155 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14, ngày 17/6/2020; Điều 25, Điều 26 Điều lệ Công ty Cổ phần Sông Đà 6 năm 2018 quy định cơ cấu, tiêu chuẩn, nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT. Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2016-2021 trình Đại hội đồng cổ đông bầu cử thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sông Đà 6 nhiệm kỳ 2021-2026 gồm các ứng viên có danh sách đề cử kèm theo.

**XI. Bầu cử thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2021-2026:**

Căn cứ Điều 168, Điều 169 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14, ngày 17/6/2020 và Điều 36, Điều 37 Điều lệ Công ty năm 2018 quy định cơ cấu, tiêu chuẩn, nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2016-2021 trình Đại hội đồng cổ đông bầu cử thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sông Đà 6 nhiệm kỳ 2021-2026 gồm các ứng viên có danh sách đề cử kèm theo.

**XII. Thông qua Điều lệ Công ty Cổ phần Sông Đà 6:**

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Điều lệ Công ty Cổ phần Sông Đà 6 trên cơ sở sau:

1. Điều lệ Công ty Cổ phần Sông Đà 6 (Điều lệ năm 2018) được xây dựng trên cơ sở các quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014; Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, ngày 06/6/2017 của Chính phủ và Thông tư số 95/2017/TT-BTC, ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính.

2. Điều lệ Công ty Cổ phần Sông Đà 6 (năm 2021) được xây dựng trên cơ sở Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020 và Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, ngày 04/01/2021 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, ngày 26/11/2019 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (có Điều lệ Công ty Cổ phần Sông Đà 6 chi tiết kèm theo).

**XIII. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty:**

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Sông Đà 6 trên cơ sở sau:

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Sông Đà 6 (năm 2018), được ban hành tại Quyết định số 04/QĐ-ĐHĐCĐ, ngày 10/5/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Sông Đà 6; Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành xây dựng trên cơ sở Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8

thông qua ngày 26/11/2014; Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, ngày 06/6/2017 của Chính phủ và Thông tư số 95/2017/TT-BTC, ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính.

2. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Sông Đà 6 (năm 2021) được xây dựng trên cơ sở Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020 và Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, ngày 04/01/2021 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, ngày 26/11/2019 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (có Quy chế nội bộ về quản trị công ty chi tiết kèm theo).

#### **XIV. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty:**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 6 được xây dựng trên cơ sở: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020 và Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, ngày 04/01/2021 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, ngày 26/11/2019 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (có Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị chi tiết kèm theo).

#### **XV. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty:**

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần sông Đà 6 được xây dựng trên cơ sở: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020 và Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, ngày 04/01/2021 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, ngày 26/11/2019 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (có Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát chi tiết kèm theo).

**XVI. Thông qua báo cáo chi thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2020; dự toán tổng mức tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021:**

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo chi tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2020; dự toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc Công ty năm 2021; cụ thể như sau:

**1. Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2020:**

TT	Chức danh	Mức được duyệt		Mức đề nghị thông qua 85% mức được duyệt	
		Lương/tháng (đồng)	Thù lao/tháng (đồng)	Lương/tháng (đồng)	Thù lao/tháng (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm		6.000.000		5.100.000
2	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	39.000.000		33.150.000	
3	Thành viên HĐQT		4.000.000		3.400.000
4	Trưởng BKS chuyên trách	23.000.000		19.550.000	
5	Thành viên Ban Kiểm soát		2.000.000		1.700.000

**2. Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2021:**

- Khi tỷ lệ hoàn thành kế hoạch SXKD, lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch năm, tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

TT	Chức danh	Dự toán tiền lương, thù lao năm 2021	
		Lương/tháng (đồng)	Thù lao/tháng (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm		6.000.000
2	Thành viên HĐQT		4.000.000
3	Trưởng Ban KS chuyên trách	23.000.000	
4	Thành viên Ban kiểm soát		2.000.000
5	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	39.000.000	

- Khi quyết toán tiền lương, thù lao của Người quản lý Công ty Cổ phần Sông Đà 6 thực hiện theo quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và các quy định hiện hành.

Kính thưa Quý cổ đông trên đây là những vấn đề Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ, kính đề nghị Quý cổ đông xem xét biểu quyết thông qua./

**Trân trọng cảm ơn!**

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**ĐẶNG QUỐC BẢO**